

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2020

V/V: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân

2. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y - Sinh năm 1992 - Có mặt.

HKTT: Số nhà A, phố B, phường Đ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Đường Ng, phố Qu, phường Đ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Vũ Đức Tr - Sinh năm 1989 - Vắng mặt.

HKTT: Số nhà A, phố B, phường Đ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội A, phân trại B, Trại giam số 5, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Y và anh Vũ Đức Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2012.

Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống cùng với gia đình anh Tr tại số nhà A, phố B, phường Đ, thành phố Thanh Hóa. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Tr không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời và không quan tâm đến vợ con. Mặt khác anh Tr còn bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 11 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Sau khi anh Tr đi chấp hành án thì chị vẫn ở nhà cùng với gia đình anh Tr, nhưng từ khoảng tháng 5 năm 2019 chị Y đem con về nhà bố, mẹ đẻ tại đường Ng, phố Qu, phường Đ, thành phố Thanh Hóa.

Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr.

Về con chung: Anh Tr và chị Y có 01 con chung là cháu Vũ Đức Anh K - sinh ngày 26/5/2013.

Ly hôn chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì hiện nay anh Tr đang chấp hành hình phạt tù, nên không đủ điều kiện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 26/5/2020 anh Vũ Đức Tr trình bày:

Về hôn nhân: Anh Tr cũng thống nhất với trình bày của chị Y về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và theo anh Tr nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau. Hiện nay anh đang chấp hành hình phạt 11 năm tù năm 2016 về tội “Cố ý gây thương tích”.

Nay anh Tr xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh Tr cũng thừa nhận anh, chị có 01 con chung như chị Y trình bày. Ly hôn anh Tr cũng đồng ý giao con cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng và anh không đóng góp nuôi con chung cùng chị Y vì hiện nay anh đang chấp hành án tại trại giam.

Về tài sản, công nợ: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 29/ 4/2020 cháu Vũ Đức Anh K có nguyện vọng được ở với mẹ, nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương: Anh Tr và chị Y kết hôn từ năm 2012 đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh Tr đang chấp hành án tại trại giam còn chị Y đã đem con bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2019 đến nay. Nay chị Y có nguyện vọng được ly hôn thì đề nghị Tòa án hòa giải để anh, chị về đoàn tụ , nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án chị Y và anh Tr không yêu cầu Tòa án hòa giải.

Tại phiên tòa chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và được trực tiếp nuôi con. Chị Y không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay anh Tr đang chấp hành hình phạt tù.

Ý kiến của đại diện VKS:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS. Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật HNGĐ. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Y với anh Vũ Đức Tr.

- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức Anh K - Sinh ngày 26/5/2013. Anh Tr không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung;

Anh Tr có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

- Về tài sản, công nợ: Anh Tr, chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Y phải chịu án phí LHST là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thanh Hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tr.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Tr và chị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nay cả hai anh, chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] *Về con chung:* Ly hôn chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức Anh K. Anh Tr cũng đồng ý và chị Y không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng và sự tự nguyện của anh chị là phù hợp, do đó HĐXX căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 luật HNGĐ giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức Anh K và anh Tr không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Tr có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản, công nợ:* Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật HNGĐ; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Y với anh Vũ Đức Tr.

2. Về nuôi con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Vũ Đức Anh K - Sinh ngày 26/5/2013.

Ly hôn giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức Anh K và anh Tr không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Tr có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000927 ngày 30/3/2020 của Chi cục Ti hành án dân sự thành phố Thanh Hoá (chị Y đã nộp đủ tiền án phí).

Chị Lê Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Vũ Đức Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Cương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Thanh Hóa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Thị Hương